

Số: 475 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 04 tháng 7 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 28/6 – 04/7/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,7 – 28,7°C; Cao nhất: 35,1°C; Thấp nhất: 22,6°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 78 – 86%; Thấp nhất: 54%.
- Tổng số giờ nắng: 60 – 70 giờ.
- Lượng mưa: 33– 104 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, đêm có mưa rải rác, trưa chiều mưa nhiều nơi, có nơi mưa vừa, mưa to. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xuống giống 22.826 ha/22.185 ha, vượt 102,89% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: đẻ nhánh (7.563 ha), đòng-trở (15.263).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Loa kèn, trở cờ	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.950
Xoài	Chăm sóc	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Ra hoa – trái non	17.087
Điều	Chăm sóc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172

## **II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA**

**1. Trên cây lúa:** Lúa giai đoạn đẻ nhánh, làm đồng. Các SVH chủ yếu: Bệnh đạo ôn lá DTN 1041 ha tăng 29 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 362 ha giảm 15 ha, sâu cuốn lá nhỏ DTN 228 ha tăng 50 ha, ốc brou vàng (OBV) DTN 201 ha tăng 16 ha.

### **2. Cây trồng khác**

- Cây bắp: SVH chủ yếu là sâu đục thân DTN 53 ha giảm 20 ha, đóm lá nhỏ DTN 47 ha tăng 22 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 266 ha giảm 20 ha, nhện nhỏ DTN 106 ha tăng 66 ha, bệnh loét DTN 45 ha không thay đổi.

+ Chôm chôm: Rệp sáp DTN 171 ha giảm 2 ha, bệnh thối quả DTN 181 ha tăng 25 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 405 ha giảm 8 ha, bệnh thối trái DTN 228 ha tăng 42 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 836 ha giảm 169 ha, bệnh chết chậm DTN 877 ha tăng 4 ha, có 104 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 528 ha có 4 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Bệnh nấm hồng DTN 95 ha tăng 3 ha, bệnh thán thư DTN 76 ha giảm 2 ha.

+ Cây mì: Bọ phấn DTN 858 ha, phát hiện bệnh khảm lá virus DTN 19,3 ha trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (11 ha), Định Quán (6 ha), Trảng Bom (0,3 ha), TP.Biên Hòa (2 ha).

## **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá, bệnh bạc lá, sâu cuốn lá, chuột.

- Cây bắp: Chú ý sâu đục thân, bắp, đóm lá nhỏ.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thán thư, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọt phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sầu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /: ✓

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 28/6 đến ngày 04/7/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		263	3	0	266	0	-20.0	63.0	172	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		106	0	0	106	0	66.0	55.0	17	Định Quán, Tân Phú
	Bệnh loét	Các giai đoạn	5 - 7		45	0	0	45	0	0.0	45.0	115	Vĩnh Cửu, Tân Phú
Chôm chôm	Bệnh thối quả	Nuôi trái-thu hoạch	5		181	0	0	181	0	25.0	135.0	25	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Rệp sáp	Nuôi trái-thu hoạch	3 - 13		171	0	0	171	0	-2.0	69.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh cháy mép lá	Nuôi trái-thu hoạch	10 - 12		104	3	0	107	0	-6.0	20.0	35	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	1 - 15		83	3	0	86	0	3.0	53.0	9	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		95	6	0	101	0	3.0	-76.0	38	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		31	0	0	31	0	0.0	-98.0	30	Thống Nhất
Dừa	Bọ cánh cứng	Các giai đoạn	5	50	50	2	0	52	0	52.0	52.0	0	Nhơn Trạch
Mãng cụt	Bệnh cháy gôm quả	Nuôi trái	3 - 5		30	0	0	30	0	0.0	30.0	0	TX Long Khánh
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		20	0	0	20	0	5.0	20.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Nuôi trái-thu hoạch	3 - 10		405	0	0	405	0	-8.0	242.0	150	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Nuôi trái-thu hoạch	5 - 10		293	0	0	293	0	-5.0	216.0	105	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú

	Bệnh thối trái	Nuôi trái-thu hoạch	2 - 10		228	0	0	228	0	42.0	70.0	106	Xuân Lộc, Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
	Bệnh nám hồng	Nuôi trái-thu hoạch	15		110	0	0	110	0	-7.0	-32.0	34	Cẩm Mỹ, Tân Phú
	Rầy bông	Nuôi trái-thu hoạch	5 - 10		10	40	0	50	0	-30.0	25.0	8	TX Long Khánh, Thống Nhất
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10		69	19	4	92	0	0.0	5.0	0	Trảng Bom, Xuân Lộc
	Kiên	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	-2.0	0.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Nuôi trái	3		2	0	0	2	0	0.0	-1.0	0	Trảng Bom
Xoài	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		111	0	0	111	0	88.0	74.0	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	10 - 17		37	0	0	37	0	0.0	16.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh vết sọc đen	Các giai đoạn	6		21	0	0	21	0	0.0	12.0	21	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		657	8	0	665	0	18.0	88.0	28	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		386	4	0	390	0	5.0	195.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		217	3	0	220	0	-157.0	-96.0	78	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Thống Nhất, TX Long Khánh, Trảng Bom, Định Quán
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		203	15	0	218	0	2.0	-107.0	31	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Mọt đục cành	Các giai đoạn	13 - 15		139	0	0	139	0	68.0	115.0	59	Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		420	1	0	421	0	0.0	151.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 20		388	2	0	390	0	40.0	316.0	259	Tân Phú, Long Thành, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn	10		33	0	0	33	0	0.0	-10.0	33	Thống Nhất
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 11		364	2	0	366	0	5.0	147.0	25	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16		95	0	0	95	0	3.0	41.0	0	Cẩm Mỹ, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 12	25	68	8	0	76	0	-2.0	-63.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	10 - 13	20	56	5	0	61	0	-3.0	-87.0	23	Trảng Bom, Thống Nhất

Hỗ tiêu	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	744	29	104	877	0	4.0	297.0	393	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 6		816	47	0	863	0	-169.0	129.0	79	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	628	22	1	651	0	-5.0	413.0	32	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	476	48	4	528	0	-1.0	-341.0	110	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4 - 15	160	9	2	171	0	-4.0	80.0	57	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		6	0	0	6	0	0.0	3.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		3	0	0	3	0	-1.0	0.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		858	0	0	858	0	314.0	858.0	0	Long Thành
	Bệnh vi khuẩn	Phát triển thân, lá	5 - 10		18	0	0	18	0	15.0	-17.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 10	80	3.3	0	3	6.3	0	1.3	6.3	0	Định Quán, Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	2 năm	.5		10	0	0	10	0	0.0	10.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn, trở cờ	10 - 15		53	0	0	53	0	-20.0	-13.0	11	Long Thành, Định Quán, Cầm Mỹ, Thống Nhất
	Đóm lá nhỏ	Loa kèn	15		47	0	0	47	0	22.0	-77.0	0	Long Thành, Cầm Mỹ
	Rệp ngô	các giai đoạn	15		28	0	0	28	0	9.0	-4.0	4	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh- làm đòng	5 - 10		1040	1	0	1041	0	29.0	30.0	739	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Long Thành, Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, TP Biên Hòa
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh- làm đòng	5 - 20		362	0	0	362	0	-15.0	214.0	252	Xuân Lộc, Tân Phú, Nhon Trạch, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, TP Biên Hòa
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đẻ nhánh- làm đòng	1 - 35		228	0	0	228	0	50.0	114.0	164	Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Long Thành,

													Cầm Mỹ, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, TP Biên Hòa
	Ốc bươu vàng	Mạ-Đẻ nhánh- Làm đòng-Trở chín	1 - 5		198	3	0	201	0	16.0	-21.0	54	Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất
	Chuột	Đẻ nhánh- làm đòng	3 - 5		110	0	0	110	0	-20.0	-45.0	1059	Nhơn Trạch, Long Thành, Tân Phú
	Bệnh vàng lá chín sớm	Đẻ nhánh- làm đòng	10		44	0	0	44	0	44.0	-11.0	0	Long Thành
	Rầy nâu	Đẻ nhánh- làm đòng	100		27	0	0	27	0	-4.0	-81.0	19	Thống Nhất, Trảng Bom, TP Biên Hòa
Bầu bí	Dòi đục lá	Các giai đoạn	15		12	0	0	12	0	7.0	12.0	9	Long Thành
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	4	2	0	6	0	-9.0	4.0	5	Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	12	3	0	15	0	0.0	15.0	4	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	4	3	0	7	0	-1.0	-5.0	4	Nhơn Trạch, Trảng Bom
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		13	3	0	16	0	2.0	2.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	25	5.5	3.5	0	9	0	0.0	-5.0	6	Nhơn Trạch, Trảng Bom
Rau cải ăn lá	Bọ nhậy	Các giai đoạn	1 - 25		18	0	0	18	0	5.2	-3.0	12.8	Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 13		7	0	0	7	0	1.0	6.0	7	Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Sâu tơ	Các giai đoạn	10		4	0	0	4	0	0.0	-5.0	0	Định Quán
Rau cần nước	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thống Nhất
	Sâu xanh	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		4	1	0	5	0	2.0	3.0	0	Trảng Bom